

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 352/2020/DS-PT

Ngày: 30-11-2020

“V/v tranh chấp dân sự hợp
đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Ngọc V

Bà Trương Thị Bích T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều O – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Phan Trung Q - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20/11/2020 và ngày 30/11/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 398/2020/TLPT-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp dân sự hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 422/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 - Chủ hộ kinh doanh H;

Địa chỉ: 254A, ấp Đ, xã T, huyện V, Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H là ông Cao Minh T, sinh năm 1970 (có mặt); Địa chỉ: 273 Khóm N, phường Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2019).

2. Bị đơn:

2.1. Trịnh Thị Thu N, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: 552D/4, ấp P, xã P, huyện V, Đồng Tháp.

2.2. Chị Lê Thị Bạch H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: 594/6, ấp Q, xã P, huyện V, Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Thị Bạch H là bà Trịnh Thị Thu N, sinh năm 1963; Địa chỉ: 552D/4, ấp P, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 19/11/2020).

2.3. Trần Văn D, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: 652/6, ấp P, xã P, huyện V, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: 16B/5 ấp Q, xã P, huyện V, Đồng Tháp;

(Ông Nguyễn Văn L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Trịnh Thị Thu N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Cao Minh T trình bày:**

Bà Trịnh Thị Thu N cùng chồng là ông Nguyễn Văn L và các con là chị Lê Thị Bạch H (con ruột) và anh Trần Văn D (con rể) có đến Cửa hàng H do Nguyễn Thị H là chủ đề mua vật tư nông nghiệp từ ngày 04/10/2017. Tính đến ngày 10/4/2019 thì Bà N, chị H, anh D còn nợ Cửa hàng H số tiền 308.755.000 đồng, đến nay chưa trả. Tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ và hợp pháp đó là: bà Hoa đã giao nộp cho Tòa án bản chính sổ ghi chép “*Anh D (N)*” từ ngày 07/10/2017 đến ngày 10/4/2019, trong sổ ghi chép có thể hiện: Ngày 25/10/2017 Trần Văn D thừa nhận nợ chưa thanh toán 49.425.000 đồng có ký tên và ghi họ tên Trần Văn D; Ngày 25/6/2018 Trịnh Thị Thu N thừa nhận nợ chưa thanh toán 237.260.000 đồng có ký tên và ghi họ tên Trịnh Thị Thu N; Ngày 29/10/2018 Trịnh Thị Thu N, Chị Lê Thị Bạch H và Trần Văn D thừa nhận nợ chưa thanh toán 330.330.000 đồng có ký tên và ghi họ tên Trịnh Thị Thu N, Chị Lê Thị Bạch H và Trần Văn D; Ngày 07/01/2019 Trịnh Thị Thu N và Chị Lê Thị Bạch H thừa nhận nợ chưa thanh toán 292.000.000 đồng có ký tên và ghi họ tên Trịnh Thị Thu N và Chị Lê Thị Bạch H; Còn số tiền nợ 308.755.000 đồng thì vào ngày 10/4/2019 Chị Lê Thị Bạch H đã thừa nhận nợ và có ký tên, ghi họ tên Chị Lê Thị Bạch H. Vào ngày 26/2/2019 bà Nguyễn Thị H có tự tay viết văn bản có nội dung: “*Tổng cộng 292.000.000 đồng; 26/2/2019; Hoa; Nguyễn Thị H*” là hoàn toàn phù hợp với việc Trịnh Thị Thu N, Chị Lê Thị Bạch H tự tay ký tên và viết họ tên xác nhận còn nợ tổng cộng 292.000.000 đồng trong sổ ghi chép “*Anh D (N)*”. Việc bị đơn bà N, chị H và anh D chỉ đồng ý trả cho bà H vốn 29.200.000 đồng là không phù hợp, bởi vì anh Nguyễn Tuấn A đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N, chị H và anh D đã thừa nhận ngày 10/4/2019 chị Lê Thị Bạch H có tự tay ký tên và viết họ tên xác nhận còn nợ 308.755.000 đồng trong sổ ghi chép “*Anh D (N)*”.

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H, anh Trần Văn D và ông Nguyễn Văn L thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền còn nợ vật tư nông nghiệp vốn là 308.755.000 đồng, lãi là 42.967.374 đồng, tổng cộng là 351.722.374 đồng.

*** Bị đơn bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H, anh Trần Văn D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Nguyễn Tuấn A trình bày:**

Bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D thống nhất có đến Cửa hàng H do bà Nguyễn Thị H là chủ để mua vật tư nông nghiệp. Bà N, chị H xác nhận chữ viết phía dưới chữ “*còn tổng cộng 292.000.000 đồng*” là chữ viết và chữ ký của bà Trịnh Thị Thu N và chị Lê Thị Bạch H. Tuy nhiên bà N, chị H và anh D không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà H. Bởi vì, sau khi chốt nợ đã thanh toán giữa hai bên thì bà H có ghi tổng số nợ còn thiếu là 29.200.000 đồng. Do đó, bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H, anh Trần Văn D tự nguyện thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền nợ vốn 29.200.000 đồng và số tiền lãi tương ứng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:**

Ông Nguyễn Văn L không có cùng bà Trịnh Thị Thu N để mua vật tư nông nghiệp ở Cửa hàng H do bà Nguyễn Thị H là chủ và cũng không có hứa hay ký tên, viết họ tên vào văn bản nào là sẽ cùng bà N trả nợ cho bà H. Do đó, Ông L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V đã xử:

1. Buộc Trịnh Thị Thu N, Trần Văn D, Chị Lê Thị Bạch H liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị H vốn 308.755.000 đồng, lãi 42.967.374 đồng. Cộng chung vốn, lãi là 351.722.374 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Nguyễn Thị H mà Trịnh Thị Thu N, Trần Văn D, Chị Lê Thị Bạch H chậm trả 351.722.374 đồng thì hàng tháng Trịnh Thị Thu N, Trần Văn D, Chị Lê Thị Bạch H còn phải liên đới trả cho Nguyễn Thị H thêm phần lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Nguyễn Văn L liên đới với Trịnh Thị Thu N, Trần Văn D, Chị Lê Thị Bạch H trả nợ cho Nguyễn Thị H.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

4.1. Trịnh Thị Thu N, Trần Văn D, Chị Lê Thị Bạch H phải liên đới chịu 17.586.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Trịnh Thị Thu N, Trần Văn D, Chị Lê Thị Bạch H chưa nộp).

4.2. Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; Được khấu trừ 8.595.000 đồng (Tám triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0008681, ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị H số tiền chênh lệch là 8.295.000 đồng (Tám triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2020, bà Trịnh Thị Thu N là bị đơn trong vụ án đã nộp đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Trịnh Thị Thu N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Bà N tự nguyện liên đới cùng chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D trả cho bà H số tiền 29.200.000 đồng theo như tờ giấy mà bà H đã ghi cho bà N ngày 26/02/2019, theo đó bà N đã trả nợ cho bà H chỉ còn nợ lại bà H số tiền là 29.200.000 đồng, ngoài ra bà N không có nợ bà H khoản tiền nào khác và không yêu cầu xem xét vấn đề gì khác.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là ông Cao Minh T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Thu N. Bởi vì, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N, chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D chỉ còn nợ lại bà H số tiền 29.200.000 đồng. Biên nhận ngày 26/02/2019 là do bà H ghi lại số tiền mà bà N còn nợ lại đến ngày 26/02/2019 là 292.000.000 đồng chứ không phải là 29.200.000 đồng như bà N trình bày. Sau đó gia đình bà N tiếp tục mua vật tư nông nghiệp của bà H đến ngày 10/4/2019 nợ tổng cộng là 308.755.000 đồng và chị Lê Thị Bạch H có ký tên xác nhận số tiền nợ này vào sổ mua hàng. Vì vậy ông T đại diện cho bà H yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm và không chấp nhận kháng cáo của bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 285, 286, 290 và 292 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 293, 297, 298, 301, 302 và Điều 305 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bà Trịnh Thị Thu N ngày 09/9/2020 đúng thời hạn được quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự về đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo, nên được xem xét hợp lệ để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bà Trịnh Thị Thu N; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn bà Trịnh Thị Thu N không thống nhất bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện V nên đã kháng cáo. Việc bà N nộp đơn kháng cáo ghi ngày 08/9/2020 vào ngày 09/9/2020 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Trần Văn D và ông Nguyễn Văn L vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D và ông L theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hộ kinh doanh Hoàng H do bà Nguyễn Thị H đứng tên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có giao dịch bán vật tư nông nghiệp gồm: phân bón, thuốc trừ sâu... (hay còn gọi là hàng hóa) cho bà Trịnh Thị Thu N cùng các con là chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D từ ngày 04/10/2017. Trong quá trình mua bán thì bà H có ghi sổ theo dõi số lượng hàng hóa giao nhận, số tiền còn nợ và số tiền đã trả của bà N, chị H và anh D, khi họ trả tiền thì bà H có ghi số tiền đã trả và số tiền mà bà N, chị H và anh D còn nợ lại và yêu cầu họ ký tên, ghi họ tên vào sổ theo dõi nợ. Đến ngày 10/4/2019 thì số tiền nợ được xác định là 308.755.000 đồng. Bà H yêu cầu Bà N, chị H, anh D và ông Nguyễn Văn L thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền còn nợ vật tư nông nghiệp vốn là 308.755.000 đồng, lãi tính từ ngày 10/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/9/2020 là 42.967.374 đồng ($308.755.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 16 \text{ tháng } 23 \text{ ngày}$), tổng cộng nợ gốc và lãi là 351.722.374 đồng. Bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H, anh Trần Văn D và ông Nguyễn Văn L không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà H; Bà N, chị H và anh D cho rằng sau khi chốt nợ giữa hai bên thì bà H có ghi tổng số nợ còn thiếu là

29.200.000 đồng, nên bà N, chị H và anh D chỉ thống nhất thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tiền nợ vốn 29.200.000 đồng và số tiền lãi tương ứng; Ông L không thống nhất cùng bà N, chị H và anh D liên đới trả nợ cho bà H do ông không có cùng bà N mua nợ vật tư nông nghiệp và cũng không có hứa hay ký tên, viết họ tên vào văn bản nào là sẽ cùng bà N trả nợ cho bà H.

[3] Tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị Thu N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là có cơ sở. Bởi lẽ, trong quá trình giao dịch mua bán vật tư nông nghiệp giữa bà Nguyễn Thị H với bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H, anh Trần Văn D (gọi tắt là các bên) thì bà H có mở sổ để theo dõi số lượng hàng hóa các bên giao nhận, số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ của bà N, chị H và anh D, việc này đã được các bên thừa nhận. Đến ngày 10/4/2019 thì số tiền nợ được xác định là 308.755.000 đồng đã được chị H ký xác nhận nợ (thể hiện theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của chị H tại Tòa án cấp sơ thẩm). Việc bà N cho rằng chỉ còn nợ bà H số tiền vốn là 29.200.000 đồng sau khi chốt nợ, thể hiện theo như tờ giấy ngày 26/02/2019 có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị H mà bà H đưa cho bà N, xét thấy là không có cơ sở, bởi vì bà H cho rằng tờ giấy này chỉ ghi nhận số tiền 292.000.000 đồng đến thời điểm ngày 26/02/2019 mà bà N, chị H và anh D còn nợ bà H tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu, điều này phù hợp với sổ ghi chép “*Anh D (N)*” mà bà H đã cung cấp cho Tòa án và số nợ này đã được bà N và chị H ký xác nhận nợ ngày 07/01/2019, mặt khác tờ giấy ngày 26/02/2019 cũng không thể hiện số tiền bà N, chị H và anh D còn nợ 29.200.000 đồng như trình bày của bà N, đồng thời phía bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh đã thanh toán nợ cho nguyên đơn chỉ còn nợ lại 29.200.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà N cũng thừa nhận trong quá trình mua bán hàng hóa giữa các bên thì bà có ký tên và ghi họ tên vào sổ do bà H lập, cụ thể ngày 29/10/2018 cùng với anh D và chị H ký xác nhận số tiền nợ 330.330.000 đồng, ngày 07/01/2019 cùng với chị H ký xác nhận số tiền nợ 292.000.000 đồng. Vì vậy có đủ cơ sở xác định số tiền mua hàng hóa mà bà N, chị H và anh D còn nợ bà H đến ngày 10/4/2019 là 308.755.000 đồng. Do chậm thanh toán tiền nợ vốn và do không xác định được việc các bên thỏa thuận mức lãi suất chậm trả cụ thể, nên việc bà H yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền nợ vốn 308.755.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 440, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ cơ sở trên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Thu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần điều chỉnh cách tuyên và bổ sung điều luật áp dụng cho phù hợp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bà Trịnh Thị Thu N không được chấp nhận, nên bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị Thu N;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 148, Điều 227 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, khoản 2, 3 Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H;

Buộc bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gồm: vốn là 308.755.000 đồng và lãi là 42.967.374 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 351.722.374 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu, bảy trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D trả nợ cho bà H.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trịnh Thị Thu N, chị Lê Thị Bạch H và anh Trần Văn D phải liên đới chịu 17.586.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.595.000 đồng (Tám triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số: BH/2017 0008681, ngày 02/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền thừa là 8.295.000 đồng (Tám triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Bà Trịnh Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BI/2019 0005301 ngày 10/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Lợi